

Số: /2025/TT-BNNMT

Hà Nội, ngày tháng 6 năm 2025

THÔNG TƯ

Quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực môi trường và biến đổi khí hậu

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Môi trường và Cục trưởng Cục Biến đổi khí hậu,

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực môi trường và biến đổi khí hậu.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2022/TT-BTNMT ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành Luật Bảo vệ môi trường về ứng phó với biến đổi khí hậu, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường để thực hiện phân cấp, phân định thẩm quyền quy định tại Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan hành chính nhà nước ở trung ương,

chính quyền địa phương và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan trong lĩnh vực môi trường và biến đổi khí hậu.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2022/TT-BTNMT ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành Luật Bảo vệ môi trường về ứng phó với biến đổi khí hậu

1. Bãi bỏ từ “huyện” tại mục II, mục III, mục IV Phụ lục I.1.
2. Bãi bỏ cụm từ “Ví dụ, yêu cầu đánh giá rủi ro chi tiết đến cấp huyện, thì các chỉ số thành phần của hiểm họa tương ứng phải chi tiết đến cấp huyện” tại mục II Phụ lục I.1.
3. Thay thế cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” bằng cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại khoản 1 Điều 5, khoản 3 Điều 7, khoản 1 Điều 10, khoản 1, 4 Điều 11, khoản 4 Điều 12, khoản 4 Điều 13, khoản 1, 3, 4 Điều 14, khoản 2 Điều 21, mục II Phụ lục I.2; cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” bằng cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại khoản 1 Điều 14, mục II Phụ lục I.2, Phụ lục III.2; cụm từ “Bộ Giao thông vận tải” bằng cụm từ “Bộ Xây dựng” tại khoản 1 Điều 14, mục II Phụ lục I.2 Thông tư số 01/2022/TT-BTNMT ngày 07/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành Luật Bảo vệ môi trường về ứng phó với biến đổi khí hậu.

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường

1. Sửa đổi điểm đ khoản 1 Điều 26 như sau:

“đ) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì, phối hợp với đơn vị thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt để xác định vị trí, thời gian tập kết, thời gian hoạt động và quy mô tiếp nhận chất thải rắn sinh hoạt tại điểm tập kết phù hợp; bảo đảm an toàn giao thông; hạn chế tối đa hoạt động vào giờ cao điểm.”.
2. Sửa đổi khoản 1 Điều 63 như sau:

“1. Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức xây dựng báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này.”.
3. Sửa đổi điểm a khoản 5 Điều 66 như sau:

“a) Chủ dự án đầu tư, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ gửi báo cáo công tác bảo vệ môi trường đến các cơ quan sau: Cơ quan cấp giấy phép môi trường (đối với đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều này) hoặc cơ quan tiếp nhận đăng ký môi trường (đối với đối tượng quy định tại điểm b khoản 1 Điều này); Sở Nông nghiệp và Môi trường (nơi dự án đầu tư, cơ sở có hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ); Ủy ban nhân dân cấp xã; chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung hoặc cụm công nghiệp (đối với các cơ sở nằm trong khu kinh tế, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung hoặc

cum công nghiệp);”.

4. Sửa đổi khoản 2 Điều 72 như sau:

“2. Việc lập, phê duyệt kế hoạch phục hồi môi trường đối với sự cố môi trường cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp xã được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.”.

5. Sửa đổi, bổ sung một số Phụ lục của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung Phụ lục I như sau:

Bãi bỏ cụm từ “thị trấn, quận/huyện/thành phố” tại Phần ghi chú Mẫu số 04;

Bãi bỏ cụm từ “cấp huyện” tại Mẫu số 09;

b) Sửa đổi, bổ sung Phụ lục II như sau:

Bổ sung cụm từ “hoặc người có thẩm quyền” sau cụm từ “cơ quan” tại Phần ghi chú của các Mẫu số 03, 04b, 04c, 07, 09, 09a, 10, 12, 13, 16, 17, 18, 22, 24, 26, 29, 33, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 41, 42, 43, 44, 44a, 45 và Mẫu số 46;

Thay thế cụm từ “được đóng dấu treo của cơ quan thẩm định thành lập hội đồng hoặc cơ quan được giao thẩm định” thành “được đóng dấu treo của cơ quan thẩm định thành lập hội đồng hoặc cơ quan được giao thẩm định hoặc cơ quan của người có thẩm quyền thành lập hội đồng” tại Mẫu số 07 và Mẫu số 16;

Thay thế cụm từ “đóng dấu treo của cơ quan cấp phép hoặc cơ quan được giao tổ chức cấp phép” thành “đóng dấu treo của cơ quan cấp phép hoặc cơ quan được giao tổ chức cấp phép hoặc cơ quan của người có thẩm quyền cấp phép” tại Mẫu số 31;

Bãi bỏ cụm từ “UBND cấp huyện” tại Phần ghi chú Mẫu số 40;

Bãi bỏ cụm từ “huyện/quận, thị xã, thành phố;” tại Phụ lục 1 Mẫu số 40;

Thay thế cụm từ “UBND huyện/quận/thị xã/TP trực thuộc tỉnh (trường hợp UBND tỉnh hoặc Sở TN&MT cấp phép)” bằng cụm từ “UBND phường/xã/đặc khu (trường hợp Chủ tịch UBND tỉnh hoặc Sở TN&MT cấp phép)” tại phần nội nhận của Mẫu số 40, 41 và 43.

c) Sửa đổi, bổ sung Phụ lục V như sau:

Bãi bỏ các cụm từ: “quận/huyện”, “huyện/quận, thị xã, thành phố” và “huyện” tại Mẫu số 01;

Bãi bỏ số thứ tự 2 và cụm từ “Mã danh mục Quận/Huyện” tại Mẫu số 02 Phụ lục V;

d) Sửa đổi, bổ sung Phụ lục VI như sau:

Thay thế Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Thông tư này;

Thay thế cụm từ “xã/phường, thị trấn” bằng cụm từ “xã/phường/đặc khu” tại bảng 1 Phụ lục II Mẫu số 03;

Thay thế cụm từ “quận/huyện/xã” bằng cụm từ “xã/phường/đặc khu” tại bảng 5 Phụ lục I Mẫu số 03;

Bãi bỏ cụm từ “quận/huyện” tại Bảng 1 Phụ lục II Mẫu số 03;

Thay thế cụm từ “quận/huyện” bằng cụm từ “phường/xã/đặc khu” tại Bảng 3, 4, 5, 6 và Bảng 12 Phụ lục II, Phụ lục III, IV, V, VI và Phụ lục VII Mẫu số 03; Mẫu số 07;

đ) Sửa đổi Phụ lục VII như sau:

Thay thế cụm từ “quận/huyện” bằng cụm từ “phường/xã/đặc khu” tại Mẫu số 03 và Mẫu số 04;

Bãi bỏ từ “huyện” tại Mẫu số 06.

6. Thay thế cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” bằng cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại Điều 7, Điều 9, Điều 38, Điều 44, Điều 46, Điều 48, Điều 49, Điều 50, Điều 55, Điều 62, Điều 63, khoản 1, điểm d, đ khoản 2 Điều 64, Điều 65, Điều 68, Điều 69, Điều 71, khoản 4 Điều 82 của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022; Khoản 18 Điều 1 (sửa đổi, bổ sung điểm a Khoản 2 Điều 64 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT), Khoản 20 Điều 1 (sửa đổi, bổ sung điểm a Khoản 3 Điều 78 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT), Khoản 21 Điều 1 (sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 79 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT), Khoản 3 Điều 5 của Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 và tại các phụ lục: Mẫu số 02; phần Ghi chú, phần Nơi nhận Mẫu số 40, phần Ghi chú, phần Nơi nhận Mẫu số 41 Phụ lục II; phần Kính gửi Mẫu số 05, 06, 07, phần Ghi chú Mẫu số 15 Phụ lục III; phần Kính gửi Mẫu số 07 Phụ lục IV; Mẫu số 02 Phụ lục V; Mẫu số 01, 02 Phụ lục VII; Mẫu số 01, 02, 02a, 02b, 04 Phụ lục IX của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Việc thay thế cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” bằng cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” quy định tại khoản này không áp dụng đối với trường hợp các nội dung viện dẫn tên văn bản do Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành.

7. Thay thế cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” bằng cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại khoản 1 Điều 43 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022.

8. Thay thế cụm từ “Sở Tài nguyên và Môi trường” bằng cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường” tại khoản 5 Điều 42, khoản 3 Điều 63, điểm a khoản 5 Điều 66, điểm b khoản 1 Điều 68, điểm b khoản 1, điểm a khoản 3 Điều 69, khoản 2 Điều 71, khoản 2 Điều 85 và Mẫu số 04, phần Nơi nhận Mẫu số 40, phần Nơi nhận Mẫu số 41 Phụ lục II, Mẫu số 07 Phụ lục IV của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ

Tài nguyên và Môi trường.

Điều 5. Quy định chuyển tiếp

Tổ chức, cá nhân đã được cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ để giải quyết theo thủ tục hành chính trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành mà chưa có kết quả giải quyết thủ tục hành chính thì tiếp tục được giải quyết theo quy định của pháp luật tại thời điểm tiếp nhận, trừ trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị thực hiện theo quy định của Thông tư này.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.
2. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Nông nghiệp và Môi trường để nghiên cứu sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan trung ương của các Hội, Đoàn thể;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng Bộ NN&MT;
- Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ TN&MT;
- Các đơn vị thuộc Bộ TN&MT;
- Lưu: VT, PC, BĐKH, MT.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Công Thành